

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay chủ yếu giằng co trong vùng 1,200 – 1,220. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,217.25 điểm, tăng gần 7 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 4.6 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Lực cầu bắt đáy tại 1,200 đã xuất hiện nhưng còn yếu. Nhà đầu tư nên duy trì chiến lược giao dịch cẩn trọng trong giai đoạn này, khi thanh khoản yếu và chỉ số liên tục gặp lại các vùng tâm lý cũ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 17/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+6.95** điểm, đóng cửa tại **1217.25** điểm. HNX-Index **+0.17** điểm, đóng cửa tại **209.58** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.94)**, **HVN (+1.12)**, **LPB (+0.69)**, **GVR (+0.68)**, **FPT (+0.53)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.33)**, **VPB (-0.46)**, **BID (-0.25)**, **VPI (-0.18)**, **SAB (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,702** tỷ đồng, giảm **-12.81%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,585 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.75 điểm. Thị trường có **261** mã tăng, 89 mã tham chiếu, **174** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-4675.56** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-4571.18 tỷ)**, **VNM (-119.72 tỷ)**, **HPG (-98.02 tỷ)**, **STB (-85.19 tỷ)**, **VCB (-77.14 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.62** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.44%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+4.37%)
VCI (+2.17%)
MSN (+1.60%)
- BSC50 **+1.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
GMD (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
GEX (+5.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+4.57%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.44%	1.06%	0.57%	0.76%
1 tuần	3.97%	2.57%	4.19%	4.30%
1 tháng	-14.96%	-15.01%	-8.54%	-6.17%
3 tháng	-12.19%	-10.48%	-2.55%	-0.80%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,217.25	209.58	90.53
% 1D	0.57%	0.08%	0.15%
GTGD (tỷ VND)	15,702	868	370
%1D	-12.81%	-5.65%	-23.74%
GDNN (tỷ VND)	-4675.56	-0.62	-31.15

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	115.73	VIC	-4571.18
VCI	108.48	VNM	-119.72
MWG	79.51	HPG	-98.02
VHM	63.32	STB	-85.19
HVN	43.47	VCB	-77.14

Thị trường thế giới

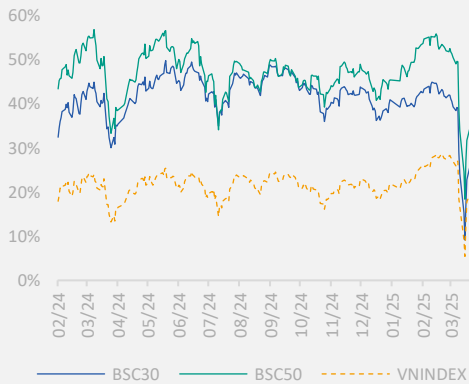
		%D	%W
SPX	5,276	-2.24%	-3.32%
FTSE100	8,229	-0.57%	3.98%
Eurostoxx	4,946	0.10%	2.08%
Shanghai	3,280	0.13%	1.76%
Nikkei	34,378	1.35%	-0.66%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.38	0.80%
Giá vàng	3,320	-1.35%
Tỷ giá		
USD/VND	26,060	0.19%
EUR/VND	30,211	-0.01%
JPY/VND	186	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.01%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1301.00	0.15%	110	-30.4%	9/18/2025	154
VN30F2504	1296.00	0.47%	210,231	-14.4%	4/17/2025	0
VN30F2505	1303.40	1.16%	41,117	118.3%	5/15/2025	28
VN30F2506	1302.20	1.02%	310	97.5%	6/19/2025	63

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +9.78 điểm, đóng cửa tại 1303.03 điểm. Biên độ dao động 21.00 điểm. Các cổ phiếu như VIC, LPB, FPT, SSB, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường tiếp tục ghi nhận ở mức thấp, dưới ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2504. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2504, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2507	6/30/2025	74	31,100	-85.02%	2.96	430	72.0%	11.28	3.82	25.50	25.50
CFPT2507	8/5/2025	110	1,100	-81.88%	15.50	540	50.0%	11.77	19.82	109.40	109.40
CHPG2412	6/30/2025	74	248,000	-85.67%	3.13	130	30.0%	5.60	3.65	25.50	25.50
CMSN2404	7/28/2025	102	920,900	-85.24%	7.90	140	27.3%	12.38	8.46	57.30	57.30
CVRE2504	6/30/2025	74	3,200	-76.08%	1.79	3,090	22.6%	18.63	4.88	20.40	20.40
CFPT2508	2/5/2026	294	6,100	-77.33%	16.00	1,100	22.2%	11.75	24.80	109.40	109.40
CMSN2502	5/26/2025	39	2,041,300	-86.74%	7.30	60	20.0%	10.01	7.60	57.30	57.30
CVJC2501	6/30/2025	74	20,000	-85.90%	10.61	300	20.0%	12.92	12.41	88.00	88.00
CVIC2503	6/30/2025	74	1,600	-56.52%	4.26	8,870	16.4%	22.26	30.87	71.00	71.00
CFPT2502	10/27/2025	193	392,200	-81.81%	17.00	290	16.0%	9.28	19.90	109.40	109.40
CFPT2405	8/14/2025	119	1,700	-73.95%	13.41	1,520	13.4%	9.69	28.50	109.40	109.40
CMBB2507	2/5/2026	294	3,200	-75.57%	2.40	1,610	12.6%	10.35	5.62	23.00	23.00
CVHM2407	4/28/2025	11	219,900	-78.06%	4.90	1,890	12.5%	12.98	12.46	56.80	56.80
CVPB2401	5/21/2025	34	285,200	-86.92%	1.99	90	12.5%	7.67	2.16	16.55	16.55
CSTB2411	5/14/2025	27	4,300	-77.13%	3.40	1,340	11.7%	8.73	8.76	38.30	38.30
CHPG2402	5/21/2025	34	330,900	-86.70%	2.82	210	10.5%	8.32	3.39	25.50	25.50
CHPG2508	10/23/2025	189	35,300	-77.88%	2.70	1,470	10.5%	11.43	5.64	25.50	25.50
CVRE2407	11/4/2025	201	61,900	-66.86%	1.60	2,580	10.3%	9.42	6.76	20.40	20.40
CMWG2410	6/30/2025	74	204,200	-85.60%	7.08	110	10.0%	4.98	8.18	56.80	56.80
CMWG2506	6/30/2025	74	100,500	-87.06%	6.69	220	10.0%	16.72	7.35	56.80	56.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Trong phiên giao dịch ngày 17/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

CHPG2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 72.00%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.05%.

CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVHM2503, CVIC2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CFPT2403, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	71.00	4.57%	2.94	3.82
HVN	32.80	6.49%	1.12	2.21
LPB	33.60	2.91%	0.69	2.99
GVR	24.20	2.98%	0.68	4.00
FPT	109.40	1.39%	0.53	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	227.00	6.47%	1.76	0.20
VCS	46.00	5.26%	0.23	0.16
NTP	65.50	2.50%	0.14	0.14
CEO	12.70	3.25%	0.13	0.54
PVS	25.40	1.60%	0.12	0.48

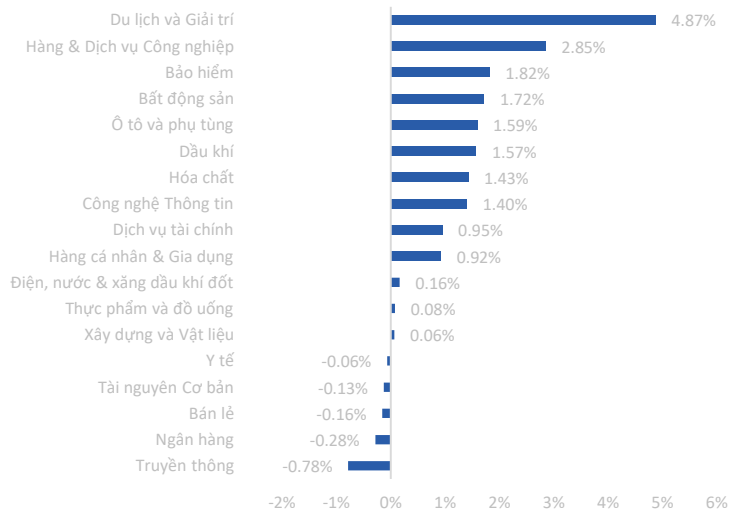
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GIL	14.55	6.99%	0.02	0.68
GMD	46.00	6.98%	0.32	6.33
CRC	8.15	6.96%	0.01	0.48
TDH	3.08	6.94%	0.01	0.50
VNL	18.55	6.92%	0.00	0.06

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSM	21.80	9.55%	0.02	0.00
PPE	10.60	9.28%	0.01	0.00
PSC	12.40	8.77%	0.03	0.00
TTH	2.50	8.70%	0.03	0.09
VHE	3.80	8.57%	0.04	1.42

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	58.10	-2.02%	-2.33	8.36
VPB	16.55	-1.49%	-0.46	7.93
BID	35.85	-0.42%	-0.25	7.02
VPI	54.10	-4.42%	-0.18	0.32
SAB	47.00	-1.26%	-0.18	1.28

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	57.50	-8.73%	-0.90	0.30
NVB	10.10	-2.88%	-0.20	1.17
HUT	13.20	-0.75%	-0.05	0.89
VIF	16.70	-1.18%	-0.04	0.35
NFC	24.40	-9.29%	-0.02	0.02

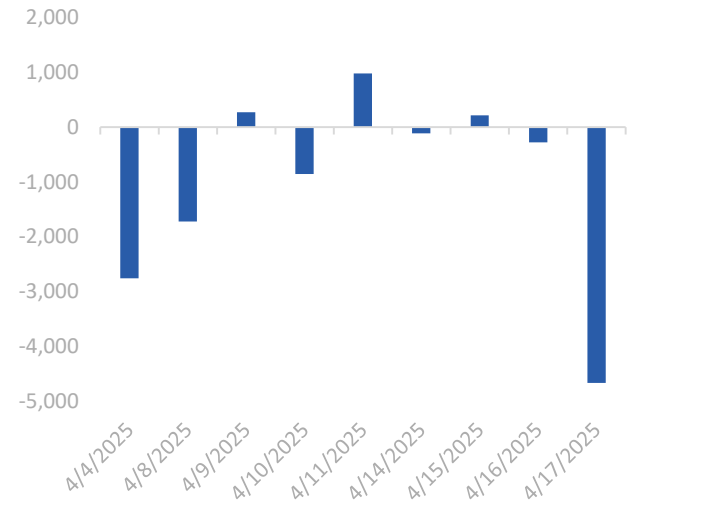
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AGM	1.49	-6.88%	0.00	0.20
LGC	57.00	-6.56%	-0.17	0.00
ITD	11.60	-5.69%	0.00	0.00
PGI	24.00	-5.51%	-0.03	0.01
SAV	15.50	-5.20%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	20.10	-9.87%	-0.06	0.00
NFC	24.40	-9.29%	-0.12	0.00
SGD	10.10	-9.01%	-0.01	0.00
KSF	57.50	-8.73%	-5.19	0.01
AME	4.50	-8.16%	-0.08	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	56.8	0.0%	1.5	83,012	326.4	2,544	22.3		46.8%	
KBC	Bất động sản	21.5	4.4%	1.4	15,813	356.7	498	41.4		17.4%	
KDH	Bất động sản	26.9	0.4%	1.3	27,099	75.9	863	31.1		35.9%	
PDR	Bất động sản	16.6	0.3%	1.9	14,407	139.0	191	86.5	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	56.8	0.5%	0.9	232,069	396.6	7,349	7.7	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	109.4	1.4%	0.9	158,728	1309.5	5,371	20.1	163,000	41.7%	Link
BSR	Dầu khí	15.8	1.0%	0.0	48,368	25.3	204	76.6		0.3%	
PVS	Dầu khí	25.4	1.6%	1.4	11,949	114.5	2,238	11.2	40,300	16.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.0	0.6%	1.4	18,575	240.5	1,571	16.4		41.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.1	0.4%	1.3	45,123	464.5	1,536	15.0		35.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.6	2.2%	1.4	26,426	367.5	1,537	23.9		29.9%	
DCM	Hóa chất	31.0	0.2%	1.5	16,385	60.1	2,682	11.5	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	87.2	-0.5%	1.5	33,269	96.6	7,864	11.1	111,400	15.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	0.0%	0.8	108,540	264.1	3,759	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	-0.4%	0.8	252,769	110.3	3,636	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.3	0.1%	1.1	199,764	361.7	4,720	7.9		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.7	0.2%	1.1	72,173	301.7	3,667	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	23.0	0.4%	1.0	139,742	492.0	3,729	6.1	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	10.9	0.5%	1.1	28,210	82.8	2,123	5.1	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	38.3	0.4%	1.0	71,921	503.6	5,351	7.1		21.0%	
TCB	Ngân hàng	26.0	0.8%	1.1	182,273	409.8	3,054	8.5	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	1.2%	1.0	34,213	122.3	2,298	5.6	-	23.7%	Link
VCB	Ngân hàng	58.1	-2.0%	0.8	495,492	184.5	4,049	14.7		22.5%	
VIB	Ngân hàng	18.0	-1.1%	0.9	54,220	170.7	2,424	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.6	-1.5%	1.0	133,290	365.7	1,989	8.5	25,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	0.0%	1.4	163,104	620.3	1,879	13.6	37,500	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.5	-0.4%	1.7	8,414	99.2	935	14.5	22,700	6.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.2	1.0%	1.6	8,685	97.0	2,712	9.6	31,000	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	57.3	1.6%	1.4	81,123	321.9	1,345	41.9		24.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.0	0.0%	0.7	117,038	401.1	4,494	12.5		49.1%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.3	0.31%	1.7	7,057	40.6	2,042	15.8	18.6%	0.0%	Link
FRT	Bán lẻ	143.0	-1.38%	0.8	19,755	18.9	2,331	62.2	31.8%	0.0%	
BVH	Bảo hiểm	45.4	2.95%	1.0	32,699	25.0	2,843	15.5	26.7%	0.0%	
DIG	Bất động sản	15.7	2.96%	1.7	9,270	258.6	188	80.9	2.9%	0.0%	
DXG	Bất động sản	14.1	1.08%	1.7	12,148	161.7	349	40.0	20.6%	0.0%	Link
HDC	Bất động sản	22.7	1.34%	1.5	3,995	42.5	384	58.3	3.0%	0.0%	
HDG	Bất động sản	22.9	2.93%	1.4	7,467	30.3	1,036	21.4	19.6%	0.0%	
IDC	Bất động sản	35.5	1.43%	1.5	11,550	82.7	6,049	5.8	18.7%	0.0%	
NLG	Bất động sản	28.4	0.00%	1.5	10,936	89.5	1,346	21.1	37.6%	0.0%	Link
SIP	Bất động sản	58.4	-2.34%	0.0	12,590	80.1	5,584	10.7	5.3%	0.0%	
SZC	Bất động sản	30.7	3.72%	1.4	5,328	66.7	1,809	16.4	2.8%	0.0%	Link
TCH	Bất động sản	16.7	1.52%	1.5	10,992	111.5	1,466	11.2	8.8%	0.0%	Link
VIC	Bất động sản	71.0	4.57%	1.0	259,627	5130.8	3,069	22.1	9.4%	0.0%	
VRE	Bất động sản	20.4	0.00%	1.0	46,355	217.3	1,802	11.3	19.1%	0.0%	
CMG	Công nghệ Thông tin	31.3	3.30%	1.3	6,402	17.5	1,478	20.5	36.3%	0.0%	
PLX	Dầu khí	33.9	2.58%	1.1	41,930	26.6	2,274	14.5	17.5%	0.0%	Link
PVD	Dầu khí	17.8	0.28%	1.3	9,867	57.6	1,255	14.1	8.2%	0.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.4	0.90%	1.6	11,931	113.6	1,869	20.9	29.5%	0.0%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.8	0.75%	1.6	15,236	58.9	1,650	16.1	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.1	0.00%	0.9	136,109	27.9	4,439	13.1	1.7%	0.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	0.84%	1.3	27,868	71.9	475	25.1	3.7%	0.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.8	-0.92%	0.9	30,804	40.4	4,237	15.4	49.0%	0.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	88.0	3.04%	0.7	46,254	168.2	2,632	32.4	12.6%	0.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.3	5.62%	1.8	21,400	460.6	1,910	13.0	10.4%	0.0%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.0	6.98%	1.1	18,068	282.8	4,610	9.3	39.8%	0.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.3	0.69%	1.2	7,521	67.0	4,403	13.2	10.0%	0.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	0.49%	1.2	7,263	48.6	3,071	6.6	11.6%	0.0%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.0	-1.00%	0.0	12,178	93.3	3,146	31.8	6.7%	0.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	69.8	1.75%	1.0	23,180	112.8	6,300	10.9	46.8%	0.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.1	0.00%	0.9	2,964	23.5	2,710	10.7	49.8%	0.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.2	1.33%	1.5	1,839	17.1	2,568	5.8	16.6%	0.0%	
DPM	Hóa chất	32.5	0.00%	1.4	12,699	47.2	1,374	23.6	8.6%	0.0%	Link
GVR	Hóa chất	24.2	2.98%	1.5	94,000	116.9	997	23.6	0.7%	0.0%	
EIB	Ngân hàng	18.1	0.00%	1.0	33,715	162.8	1,786	10.1	3.8%	0.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.6	2.91%	0.3	97,535	137.1	3,254	10.0	0.8%	0.0%	
NAB	Ngân hàng	15.9	-1.24%	0.0	22,098	92.7	2,702	6.0	1.8%	0.0%	
OCB	Ngân hàng	10.5	0.00%	1.0	25,891	24.8	1,287	8.2	19.3%	0.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.9	0.42%	1.7	5,281	61.4	1,357	8.7	5.4%	0.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.9	0.34%	1.6	3,941	9.4	180	82.4	0.7%	0.0%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	1.43%	0.6	9,577	107.3	1,526	20.6	3.8%	0.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.0	-1.26%	0.8	61,050	64.3	3,376	14.1	59.4%	0.0%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	45.9	-4.87%	1.2	10,830	77.9	5,463	8.8	24.0%	0.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	134.5	4.43%	0.8	10,544	84.2	12,103	10.6	83.4%	0.0%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.8	1.57%	1.5	7,655	70.5	3,734	20.5	48.9%	0.0%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	82.9	-0.12%	1.3	9,494	25.1	4,705	17.6	8.0%	0.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	49.0	1.14%	1.7	3,052	15.5	3,553	13.6	7.5%	0.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.9	0.00%	1.4	5,122	40.5	987	12.0	7.0%	0.0%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.0	0.00%	1.2	7,510	20.8	1,307	16.1	16.5%	0.0%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.4	0.00%	1.3	13,408	213.3	1,548	14.5	7.5%	0.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.8	-0.49%	1.5	18,360	23.7	2,464	16.6	5.6%	0.0%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_ Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_ 4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_ 3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_ 1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_ 2Q2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>